

SAO Y BẢN CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



A. An
x

BẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ DU LỊCH CẦN GIỜ

(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 1)

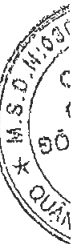


TPHCM, THÁNG 08 NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ DU LỊCH CÀN GIỜ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2015



“**Sổ Đăng Ký Cổ Đông**” có nghĩa là Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công Ty được lập và lưu giữ theo quy định tại Điều 121 Luật Doanh Nghiệp.

“**BKS**” là các chữ viết tắt của thuật ngữ “Ban Kiểm soát”.

“**Người Có Liên Quan**” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

- a) Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
- b) Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
- c) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
- d) Người quản lý doanh nghiệp;
- đ) Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
- e) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này;
- g) Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;
- h) Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để đầu tư phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

“**Thị trường giao dịch chứng khoán**” là sàn giao dịch chính thức kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác, đặt tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội cùng bất kỳ sàn giao dịch chính thức khác được mở tại các thành phố khác tại Việt Nam.

“**Thời hạn hoạt động**” có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty được quy định tại Điều 3.6 của Điều lệ này và bất kỳ gia hạn nào được thông qua bởi nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc/và được sự phê chuẩn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

“**Kiểm soát viên**” hoặc “**KSV**” có nghĩa là kiểm soát viên của Công Ty.

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty như sau:
 - Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, kinh doanh cơ sở hạ tầng, địa ốc. San lấp mặt bằng. Mua bán, cho thuê nhà đất, kho bãi, kinh doanh môi giới bất động sản;
 - Kinh doanh lưu trú khách sạn và các dịch vụ du lịch như: Nhà hàng ăn uống, tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị quốc tế, kinh doanh vui chơi, giải trí, bãi tắm biển, câu cá, bơi lội, kéo dù (không kinh doanh tại trụ sở công ty);
 - Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng vật tư ngành công nghiệp, nguyên vật liệu, hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
 - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa;
 - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng ô tô và tàu thuyền.
2. HĐQT của Công ty có thể quyết định thay đổi hoặc bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG III QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 5. Quyền của Công ty

1. Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
2. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
4. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
5. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
6. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
7. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.
8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
9. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.
10. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
11. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
12. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nghĩa vụ của Công ty

1. Hoạt động kinh doanh trong những ngành nghề mà Luật không cấm; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.
2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.

3. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, bất kỳ Cổ Phần phổ thông dự kiến phát hành nào sẽ được ưu tiên chào bán tới các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ Cổ Phần phổ thông mà Cổ Đông đó đang nắm giữ phù hợp với thủ tục quy định tại Điều 124 của Luật Doanh Nghiệp. Việc chào bán phải được thể hiện bằng một thông báo nêu rõ số lượng cổ phần chào bán, thời hạn hợp lý để Cổ Đông đăng ký mua chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần. Các Cổ Đông được quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác. Số cổ phần Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ thuộc quyền kiểm soát của HĐQT. HĐQT sẽ chào bán hoặc phân phối quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng thích hợp, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT cho là phù hợp, nhưng không được ưu đãi hơn các điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông, trừ khi được ĐHĐCĐ chấp thuận hoặc trong trường hợp Cổ Phần được bán qua Thị trường Giao dịch Chứng khoán.
4. Công ty có thể mua lại các Cổ phần đã phát hành của mình theo bất kỳ hình thức nào được Luật Doanh nghiệp cho phép. Bất kỳ Cổ phần mua lại nào bởi Công ty sẽ được giữ lại thuộc số cổ phần được quyền chào bán và HĐQT có thể chào bán theo bất kỳ hình thức nào phù hợp với quy định của Pháp luật.
5. Công ty có quyền phát hành trái phiếu có tài sản bảo đảm và/hoặc trái phiếu không có tài sản bảo đảm, trái phiếu chuyển đổi (trái phiếu có thể được chuyển đổi thành Cổ phần theo các điều kiện được quy định trước), chứng quyền (được phát hành cùng với trái phiếu cho phép người nắm giữ chứng nhận trái phiếu được mua một số lượng Cổ phần với mức giá và thời gian xác định trước) và các loại chứng khoán khác theo quy định của Pháp Luật. Trừ trường hợp Pháp Luật có quy định khác, HĐQT có quyền quyết định việc phát hành trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, thời điểm phát hành trái phiếu và các nội dung liên quan khác.
6. Công ty có quyền phát hành trái phiếu có tài sản bảo đảm và/hoặc trái phiếu không có tài sản nào. Trường hợp Công ty chấm dứt hoạt động trước thời hạn, các quy định liên quan của Pháp luật có áp dụng.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông

1. Các Cổ đông là chủ sở hữu của Công ty, có quyền và nghĩa vụ tương ứng với số lượng Cổ phần và loại Cổ phần mà họ sở hữu. Quyền và nghĩa vụ của từng Cổ đông được giới hạn trong phần giá trị tính trên mệnh giá của các Cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ.
2. Cổ đông có các nghĩa vụ sau:
 - a. Tuân thủ Điều lệ của Công ty, các Nghị quyết của HĐQT và nghị quyết của ĐHĐCĐ.
 - b. Thanh toán vốn Cổ phần theo số lượng cổ phần đăng ký mua và phù hợp với các thủ tục yêu cầu; và
 - c. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 9. Cổ đông sáng lập và Sổ đăng ký cổ đông

1. Cổ đông sáng lập:

- i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.
3. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 10% tổng số Cổ Phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng còn có các quyền sau:
- a. Đề cử thành viên vào HĐQT và BKS;
 - b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của Hệ thống Kế toán Việt Nam và các báo cáo của BKS;
 - c. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp quy định tại Điều 114.3 Luật Doanh Nghiệp;
 - d. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và tuân theo các quy định của Điều 114.2(d) Luật Doanh Nghiệp; và
 - e. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

- c. Khi nhận được nghị quyết của ĐHĐCĐ phê duyệt việc chuyển đổi đó, Cổ đông Ưu đãi sẽ chuyển lại cho Công ty Chứng chỉ Cổ phiếu liên quan tới số Cổ phần sẽ được chuyển đổi, và Công ty sẽ phát hành Chứng chỉ cổ phiếu mới cho số Cổ phần Phổ thông hình thành từ việc được chuyển đổi đó và ghi nhận việc chuyển đổi trong Sổ Đăng ký Cổ đông. Không phụ thuộc vào ngày mà Cổ đông liên quan nhận được Chứng chỉ cổ phiếu đối với số Cổ phần Phổ thông đó, quyền sở hữu đối với số Cổ phần Phổ thông sẽ được coi như bắt đầu kể từ ngày mà việc chuyển đổi được đăng ký tại Sổ Đăng ký Cổ đông.
- d. Cổ phần Phổ thông hình thành từ việc chuyển đổi từ Cổ phần Ưu đãi sẽ xếp hạng là cùng một loại thống nhất như các Cổ phần Phổ thông đã được phát hành và mua trước khi có sự chuyển đổi đó.
- e. Một Cổ đông Ưu đãi có các quyền khác theo quy định của Điều lệ và Luật doanh nghiệp, bao gồm cả quyền chuyển nhượng Cổ phần Ưu đãi cho người khác.

Điều 12. Cổ phiếu

1. Mọi Cổ đông đều có quyền được cấp một Cổ phiếu.
2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu được phát hành và ký xác nhận bởi đại diện theo pháp luật của Công ty, được đóng dấu của Công ty (nếu có) theo hình thức phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp. Chứng chỉ Cổ phiếu nêu rõ số lượng, loại cổ phần và số tiền đã thanh toán cổ phần đó, tên của Cổ Đông và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Tùy thuộc vào quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên trong Sổ Đăng ký cổ đông đối với bất kỳ Cổ phần và loại cổ phần nào, đều có quyền yêu cầu nhận một cổ phiếu miễn phí trong vòng hai (02) tháng (hoặc lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc (trong trường hợp chuyển nhượng) sau khi nhận chuyển nhượng.
4. Trường hợp có sự chuyển nhượng của một số cổ phần trong các Cổ phần được quy định trong một cổ phiếu, thì cổ phiếu cũ sẽ được huỷ bỏ và thay thế bởi một cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

- c. Người có quyền sở hữu do thừa kế hợp pháp sau khi đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền. Tuy nhiên, không có quy định nào trong điều khoản này giải phóng tài sản của cổ đông đã chết khỏi bất kỳ trách nhiệm nào liên quan tới các cổ phần mà người đó nắm giữ.
6. Khi một Cổ đông là một pháp nhân bị giải thể, phá sản, sáp nhập, chia tách, chuyển đổi hình thức hoạt động, thì mọi quyền và trách nhiệm liên quan tới cổ phần của cổ đông đó sẽ được giải quyết phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 14. Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của các Cổ đông

1. Các cổ đông biểu quyết phản đối các quyết định về tổ chức lại Công ty hoặc các quyết định thay đổi các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải được thực hiện bằng văn bản trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông đó, số lượng Cổ phần, giá chào bán, và lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu phải được gửi tới Công ty trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày ĐHĐCĐ phê duyệt vấn đề được quy định trong đoạn này.
2. Công ty sẽ mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông theo quy định tại khoản 1 của Điều này trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Cổ phần sẽ được mua lại theo giá trị trường tại thời điểm đó, hoặc nếu giá trị trường không xác định được, thì giá mua sẽ được xác định ít nhất bằng giá mua của Cổ phần đó.
3. Trường hợp không đạt được thỏa thuận về giá mua lại, thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 15. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;
2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

Điều 18. Cơ cấu Tổ chức và Quản lý của Công ty

Cơ cấu Tổ chức và Quản lý của Công ty như sau:

1. ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty và sẽ, không bị giới hạn hoặc ảnh hưởng bởi các quyền của HĐQT theo Điều lệ này, thực hiện tất cả các quyền hạn của Công ty.
2. HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty, và được điều chỉnh bởi các chuẩn mực cao nhất về quản trị và điều hành doanh nghiệp và chịu trách nhiệm quản lý Công ty vì các quyền lợi tốt nhất cho tất cả các Cổ đông.
3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về các thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao phó.
4. BKS (nếu có) chịu trách nhiệm về việc giám sát tình hình hoạt động và quản lý của Công ty.
5. Bộ máy giúp việc: các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các Phòng, ban, bộ phận chuyên môn.

**CHƯƠNG VII
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 19. Quyền hạn của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty và sẽ, không bị giới hạn hoặc ảnh hưởng bởi các quyền của HĐQT theo Điều lệ này, thực hiện tất cả các quyền hạn của Công ty.
2. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ này.
3. ĐHĐCĐ có quyền thảo luận và quyết định các vấn đề sau:
 - a. Phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, báo cáo của BKS;
 - b. Đưa ra các quyết định về loại Cổ phần và số lượng của từng loại Cổ phần chào bán; đưa ra các quyết định về cổ tức hàng năm của mỗi loại cổ phần trên cơ sở báo cáo và đề nghị của HĐQT;
 - c. Quyết định số lượng thành viên của HĐQT và BKS;
 - d. Bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
 - e. Quyết định chế độ thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS (nếu có);
 - f. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán do HĐQT quyết định;
 - g. Xem xét xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
 - h. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có tổng giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - i. Quyết định việc Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - j. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

- f. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu trên.
3. Trường hợp HĐQT không triệu tập được cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường, BKS sẽ triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ. Nếu BKS không triệu tập được cuộc họp đó, thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu tại mục d khoản 2 của Điều này đã yêu cầu có quyền thay thế HĐQT và BKS triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường.
 4. Mọi chi phí cần thiết để triệu tập và thực hiện cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Công ty chi trả, tuy nhiên, để rõ ràng, thì các chi phí này sẽ không bao gồm các khoản mà các cổ đông phải chịu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, đặc biệt chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 21. Quyền dự họp ĐHĐCĐ

1. Người có thẩm quyền triệu tập cuộc họp phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Danh sách này phải được lập xong chậm nhất là bảy (07) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ.
2. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại Luật Doanh nghiệp thì uỷ quyền người khác dự họp ĐHĐCĐ.
3. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp.
 - b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.
Người được uỷ quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
 - b. Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.
5. Quy định tại khoản 4 Điều này không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của ĐHĐCĐ.
6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp ĐHĐCĐ thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, các tài liệu họp kèm thông báo mời họp ĐHCĐ sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty bao gồm: (i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; (ii) Phiếu biểu quyết; và (iii) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. Thông báo mời họp ĐHCĐ được gửi tới các Cổ Đông như quy định tại Khoản này sẽ ghi rõ nơi và cách thức tải tài liệu họp. Công Ty sẽ gửi tài liệu họp cho Cổ Đông nếu Cổ Đông yêu cầu.

4. Các cổ đông có quyền đề nghị các vấn đề cần được đưa vào chương trình họp ĐHCĐ. Đề nghị phải được làm thành văn bản và gửi tới Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Đề nghị phải có tên của Cổ đông, số lượng và loại cổ phần nắm giữ, và các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Trong trường hợp có việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện trong khoảng thời gian từ khi hoàn thành danh sách các cổ đông dự họp cho tới ngày tiến hành cuộc họp ĐHCĐ, người nhận chuyển nhượng sẽ có quyền tham gia họp ĐHCĐ thay cho người chuyển nhượng.
6. Người triệu tập cuộc họp ĐHCĐ có quyền từ chối các đề nghị theo khoản 4 của Điều này nếu:
 - a. Đề nghị không được gửi đến đúng hạn.
 - b. Đề nghị không bao gồm các thông tin được yêu cầu.
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.
7. HĐQT phải tổ chức soạn thảo dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp;
8. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHCĐ với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 23. Chủ tịch và điều kiện triệu tập ĐHCĐ

1. Cuộc họp ĐHCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐQT (nếu có) hoặc người được ĐHCĐ bầu ra sẽ làm Chủ tọa. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì Đại hội, thành viên HĐQT chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của ĐHCĐ, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên HĐQT. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được ĐHCĐ bầu ra đề cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều khiển để ĐHCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHCĐ điều khiển Đại hội bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
2. ĐHCĐ được coi là triệu tập hợp lệ khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt.

- Gửi phiếu lấy ý kiến bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông ghi trong danh sách Cổ Đông có quyền lấy ý kiến văn bản, chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Trong trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, Các tài liệu kèm theo phiếu lấy ý kiến được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty bao gồm: (i) Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; (ii) Các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Phiếu lấy ý kiến được gửi tới các Cổ Đông như quy định tại Khoản này sẽ ghi rõ nơi và cách thức tải tài liệu. Công Ty sẽ gửi tài liệu kèm theo phiếu lấy ý kiến cho Cổ Đông nếu Cổ Đông yêu cầu.
- Cổ Đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời về Công Ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức. Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải được để trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến, bị sửa chữa, tẩy xóa, đánh dấu, thêm ký hiệu hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
 - Gửi fax hoặc thư điện tử đăng ký chính thức của Công Ty: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công Ty, hoặc một hoặc một số thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền/phân công tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của đại diện BKS hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty; người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
 - Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty;
 - Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 2. Các quyết định của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi:
 - a. Trừ trường hợp quy định tại Khoản (b) dưới đây, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản).

Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 26. Hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Không cần phải lấy ý kiến của ĐHĐCĐ, chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có thể hoãn cuộc họp cho dù có đủ số thành viên tối thiểu cần có mặt sang một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp, nếu phát hiện rằng:
 - a. Không có đủ chỗ cho tất cả các Cổ đông tại địa điểm họp.
 - b. Những người tham gia có thái độ cản trở hoặc có khả năng cản trở tiến trình của cuộc họp; hoặc
 - c. Việc trì hoãn này là cần thiết để đảm bảo rằng cuộc họp được thực hiện công bằng và hợp pháp.
 - d. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
2. Cuộc họp được tổ chức lại để thảo luận và giải quyết các vấn đề đáng nhẽ được thảo luận một cách hợp pháp tại cuộc họp bị trì hoãn lần trước.
3. HĐQT có thể yêu cầu kiểm tra và thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh cần thiết, HĐQT cũng có thể trục xuất các Cổ đông hoặc đại diện của cổ đông nếu người đó không tuân thủ đúng các quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT đặt ra.

**CHƯƠNG VIII
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Số thành viên của HĐQT có không ít hơn ba người và không nhiều hơn mười một người (hoặc một số lượng khác phù hợp với Pháp luật tại từng thời điểm). Thành viên của HĐQT không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty hoặc có quốc tịch Việt Nam và cần đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật Doanh Nghiệp và pháp luật liên quan tại từng thời điểm. Ít nhất một nửa (1/2) số thành viên HĐQT phải thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (5) năm.
2. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.
3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.
4. Tư cách thành viên HĐQT bị chấm dứt trong các trường hợp sau:
 - a. Nếu thành viên đó vi bất kỳ quy định nào của Luật Doanh nghiệp hoặc Pháp luật bị cấm làm thành viên HĐQT.
 - b. Nếu thành viên đó từ chức bằng một thông báo bằng văn bản gửi tới trụ sở chính của Công ty.

- m. Quyết định thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
 - n. Thành lập công ty con của Công ty.
 - o. Thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính, hợp đồng và giao dịch khác có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh Nghiệp.
 - p. Các khoản vay của Công ty và các hoạt động cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường của Công ty có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - q. Góp vốn, mua hoặc bán các cổ phần của các công ty được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài.
 - r. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty.
4. HĐQT phải báo cáo với ĐHĐCĐ về các hoạt động của mình, đặc biệt về các hoạt động giám sát đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ Quản lý trong năm tài chính.
 5. Tùy theo tình hình thực tế và không trái pháp luật, HĐQT có thể giao, phân cấp hoặc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc hoặc bất kỳ người nào khác thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT nêu tại điều này.
 6. Các thành viên của HĐQT có thể được hưởng thù lao cho việc thực hiện công việc phù hợp với quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 29. Chủ tịch HĐQT

1. HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT trong số thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng giám đốc công ty.
2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
 - b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT.
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT.
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
 - e. Chủ tọa họp ĐHĐCĐ.
 - f. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này, nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.
3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.

Thành viên BKS, Tổng giám đốc không phải là thành viên HĐQT, có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp HĐQT chỉ có thể được tiến hành và thông qua các Nghị quyết khi có từ ba phần tư tổng số thành viên của HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua thành viên thay thế. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Các thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu thông qua thư, fax, thư điện tử. Những phiếu bằng văn bản phải được gửi tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho thư ký của Chủ tịch, những phiếu thông qua fax, thư điện tử phải được gửi đến hòm thư chính thức hoặc số fax chính thức của Công Ty ít nhất một (1) tiếng trước thời gian quy định tại buổi họp.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
10. Hợp thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết bằng văn bản theo các thủ tục sau:

- a. Gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc thông qua Nghị quyết cho các thành viên HĐQT; và
- b. Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT ghi trong Thông báo lấy ý kiến.
- c. Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền tiến hành kiểm phiếu với sự giúp việc của Thư ký HĐQT (nếu có) và dưới sự giám sát của ít nhất một (01) thành viên HĐQT.
- d. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

11. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT có 100% số thành viên HĐQT trực tiếp (bất kể có mặt trực tiếp, thông qua cuộc gọi hội thoại hoặc các hình thức giao tiếp khác) và ủy quyền tham dự, là hợp lệ và có hiệu lực, ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
12. Biên bản họp. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt và phải được ký nhận bởi chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản. Trong trường hợp cần thiết, biên bản cuộc họp HĐQT sẽ được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG IX

1. Thực hiện các hoạt động khác thuộc trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều lệ, nghị quyết của ĐHĐCĐ, ủy quyền hoặc phân cấp của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và quy định của Pháp luật.
5. Báo cáo lên HĐQT và các Cổ đông. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo HĐQT và cuộc họp ĐHĐCĐ về việc thực hiện các trách nhiệm của mình và các công việc khác theo yêu cầu.
6. Bãi nhiệm. HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc thông qua phiếu biểu quyết đại diện cho hai phần ba tổng số thành viên HĐQT (trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của chính Tổng Giám đốc nếu Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT) và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 34. Lao động

1. Tổng Giám đốc có toàn quyền lựa chọn tuyển dụng nhân viên theo các quy định của Công ty. Đối với những vị trí thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT, Tổng Giám đốc có quyền được đề xuất lên HĐQT trước khi bổ nhiệm hoặc tham gia ký hợp đồng lao động với họ.
2. Lương thưởng, và các chế độ khác của nhân viên được Tổng Giám Đốc quyết định theo thang bảng lương được HĐQT phê duyệt.
3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về lao động trong quá trình sử dụng lao động của Công ty. Tổng giám đốc có quyền ban hành các quy chế nội bộ của Công ty theo thẩm quyền hoặc theo ủy quyền, phân cấp của HĐQT để ràng buộc tất cả các nhân viên của Công ty.

**CHƯƠNG X
NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HĐQT,
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ**

Điều 35. Nghĩa vụ của người quản lý công ty

1. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, quyết định của ĐHĐCĐ.
 - b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
 - c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.
2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT và Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Cán bộ quản lý công ty bao gồm: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các cán bộ khác do HĐQT xác định tùy từng thời điểm.

Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và Bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên HĐQT, Cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để bảo hiểm những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

**CHƯƠNG XI
BAN KIỂM SOÁT**

Điều 37. Thành lập BKS

1. ĐHĐCĐ sẽ thành lập BKS (BKS) theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc khi ĐHĐCĐ thấy cần thiết. Thành viên BKS sẽ có các quyền hạn theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và theo quy định tại Điều lệ này, chủ yếu bao gồm:
 - a. Được HĐQT tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán, mức phí kiểm toán và tất cả các vấn đề liên quan tới huỷ bỏ hoặc chấm dứt đối với kiểm toán viên độc lập.
 - b. Thảo luận với công ty kiểm toán về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu kiểm toán.
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo việc tham gia của các chuyên gia bên ngoài có kinh nghiệm và chuyên môn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty nếu thấy cần thiết.

5. BKS có từ ba (03) đến năm (05) thành viên được bổ nhiệm bởi ĐHĐCĐ và sẽ có nhiệm kỳ tối đa năm (05) năm, nếu ĐHĐCĐ không có quyết định khác. Thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
6. KSV phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý Doanh Nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
 - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, TGD và người quản lý Công Ty;
 - c. Không được giữ các chức vụ quản lý Công Ty; không nhất thiết phải là Cổ Đông hoặc người lao động của Công Ty;
 - d. Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty; và
 - e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác (nếu có) theo quyết định của pháp luật liên quan và ĐHĐCĐ tại từng thời điểm.
7. BKS sẽ bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Trưởng BKS. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập các buổi họp của BKS và chủ tọa các buổi họp đó.
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin có liên quan, và gửi tới cho tất cả các thành viên BKS.
8. BKS có thể, sau khi tham vấn cùng HĐQT, ban hành quy chế cho các cuộc họp BKS và cách thức tổ chức hoạt động.
9. Tư cách KSV bị chấm dứt trong các trường hợp sau:
 - a. Nếu thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn điều kiện làm thành viên KSV theo quy định tại điều 164 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Nếu thành viên đó từ chức và gửi thông báo tới trụ sở chính của Công ty.
 - c. Thành viên bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS nhận thấy thành viên đó không đủ năng lực hành vi;
 - d. Nếu thành viên đó trong sáu tháng (06) liên tiếp vắng mặt trong các cuộc họp của BKS mà không được phép của BKS và BKS quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.
 - e. Thành viên đó bị cách chức KSV theo quyết định của ĐHĐCĐ Công ty.

CHƯƠNG XII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 38. Cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

CHƯƠNG XIII
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG,
NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 39. Tài khoản Ngân hàng

1. Công ty có thể mở tài khoản dưới bất kỳ hình thức nào, Việt Nam Đồng hoặc ngoại tệ và dù là vãng lai, tiền gửi hoặc khác, tại một Ngân hàng Việt Nam hoặc ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam phù hợp với Pháp luật.
2. Tùy thuộc vào sự phê chuẩn trước bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ở nước ngoài.

Điều 40. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty sẽ bắt đầu vào ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của cùng năm đó. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu kết từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của cùng năm đó.
2. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, việc lập quỹ theo quy định của pháp luật do ĐHĐCĐ công ty quyết định.

Điều 41. Báo cáo và Hệ thống Kế toán

1. Công ty sẽ thực hiện Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS), hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính duyệt, và sẽ lưu giữ các sổ sách kế toán theo thông lệ kế toán chung của Việt Nam.
2. Công ty sẽ lưu trữ sổ sách kế toán thể hiện bằng đồng VNĐ. Sổ sách này có thể được chuyển sang thể hiện bằng tiền USD trong trường hợp HDQT yêu cầu.
3. Công ty lưu giữ các sổ sách theo đề mục hoạt động kinh doanh mà sổ sách đó liên quan tới. Việc lưu trữ phải chính xác, cập nhật và có hệ thống, đủ để trình bày và mô tả các giao dịch của Công ty.
4. Tất cả các tài liệu và báo cáo tài chính kế toán quan trọng phải được phê duyệt và ký bởi người đại diện theo pháp luật và Kế toán trưởng.

Điều 42. Đầu tư Tài chính trong tương lai

1. Các Cổ đông không có nghĩa vụ đóng góp thêm tài chính cho Công ty.
2. Công ty có thể tăng vốn, phát hành cổ phần ra công chúng, và phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi hoặc các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG XIV
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM,
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

3. Cán bộ quản lý và nhân viên của Công ty hoặc các kiểm toán viên, tư vấn với lý do những người này cần biết thông tin để thực hiện công việc của mình trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhưng trong các trường hợp này, người tiếp nhận thông tin phải bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
4. Các cổ đông hoặc giám đốc của Cổ đông (trường hợp cổ đông là pháp nhân), hoặc các tư vấn và nhà cung cấp dịch vụ của Cổ đông, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
5. Cho một số lượng nhất định các nhà đầu tư tiềm năng đang tìm kiếm cơ hội để mua, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ cổ phần nào trong Công ty, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
6. Các nội dung được yêu cầu phải cung cấp thông tin theo quy định của Pháp luật, quy định về giao dịch chứng khoán hoặc theo lệnh, yêu cầu, của một cơ quan toà án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc
7. Cơ quan thuế theo yêu cầu hợp lý và nhằm mục đích phục vụ việc kê khai nộp thuế mà Cổ đông liên quan.

CHƯƠNG XV

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ

Điều 48. Chấm dứt hoạt động

1. Phù hợp với quy định của pháp luật, Công ty chấm dứt hoạt động hoặc bị giải thể trong các trường hợp sau:
 - a. Hết Thời hạn hoạt động và bất cứ lần gia hạn nào sau đó.
 - b. Theo phán quyết của các Toà án của Việt Nam tuyên bố phá sản Công ty theo quy định Pháp luật hiện hành.
 - c. Chấm dứt trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ và phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - d. Bị thu hồi Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - e. Không đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật trong thời gian liên tục sáu tháng liên tiếp; hoặc
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
2. Nghị quyết giải thể Công ty trước thời hạn (hoặc gia hạn) phải được ĐHĐCĐ thông qua và được HĐQT thực hiện, và phải được thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin phê chuẩn nếu cần thiết. Thủ tục giải thể được thực hiện phù hợp với quy định của Điều 202 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 49. Gia hạn thời hạn hoạt động

Điều 52. Giải quyết tranh chấp

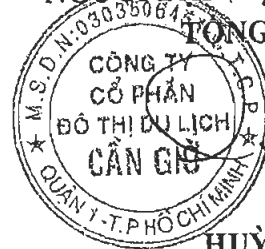
1. Trường hợp có tranh chấp hoặc khiếu nại phát sinh liên quan tới hoạt động của Công ty hoặc các quyền của Cổ đông theo Điều lệ này hoặc theo quy định của Pháp luật, giữa:
 - a. Cổ đông và Công ty; hoặc
 - b. Cổ đông và HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc hoặc Cán bộ quản lý; hoặc
 - c. Cổ đông và Cổ đông khác,thì các bên liên quan sẽ cố gắng cùng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải.
2. Trường hợp không đạt được thoả thuận hoà giải trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày bắt đầu quá trình hoà giải, hoặc đề nghị hoà giải không được hai bên đồng ý, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa vụ việc ra Tòa án cấp có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết. Phán quyết của Tòa án sẽ là cơ sở để các bên thực hiện.
Chi phí sẽ do bên thua kiện chịu, trừ khi phán quyết của Tòa án có quyết định khác.

**CHƯƠNG XVII
HIỆU LỰC ĐIỀU LỆ**

Điều 53. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 17 chương với 53 Điều, là bản Điều Lệ hợp pháp và chính thức của Công Ty, thay thế các bản trước đây. Điều Lệ này được ĐHĐCĐ Công Ty thông qua ngày 09 tháng 07 năm 2015 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ này.
2. Trong quá trình hoạt động của Công ty, nếu có điều khoản nào trong Điều lệ này không còn thích ứng với hoàn cảnh mới hoặc quy định mới của pháp luật thì ĐHĐCĐ Công ty có thể xem xét để sửa đổi, bổ sung.
3. Điều lệ này được làm thành 03 bản gốc bằng Tiếng Việt có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Các nội dung không quy định tại Điều lệ này hoặc thoả thuận riêng của các cổ đông được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC

HUỲNH DƯ AN